TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ JÚT** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST.
Ngày 28/9/2023.
Về việc *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT - TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lộc Thị Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hòa.
2. Bà Phạm Thị Thơm.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông.

- *Đại diện VKSND huyện Cư Jút tham gia phiên tòa:* Ông Lục Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cư Jút xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 141/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2023/QĐST- HNGĐ ngày 18/9/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nông Đức T, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Số A, thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Đăk Nông – Có mặt.

- Bị đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Số A, thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Đăk Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 04/7/2023, tại bản tự khai, biên bản tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nông Đức T trình bày:

Anh Nông Đức T và chị Hoàng Thị H đi đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện C vào ngày 19/11/1999 trên tinh thần tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc. Quá trình chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 8 năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn, cãi vã; nguyên nhân: Anh nghi ngờ chị H có tình cảm khác. Anh T đã nhiều lần có gắng để hàn gắn gia đình nhưng không được. Nay anh T không còn tình cảm với chị H nữa, yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị Hoàng Thị H.

Về con chung: Anh T và chị H có 02 con chung là Nông Hoàng T, sinh ngày 11/11/2000 và Nông Thanh Đ, sinh ngày: 12/10/2009; anh T xin được nhường quyền nuôi con chung là Nông Thanh Đ, sinh ngày: 12/10/2009 cho chị Hoàng Thị H; anh T sẽ cấp dưỡng nuôi con chung: 3.000.000 đồng/tháng vào ngày 15 hàng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.Con chung Nông Hoàng T, sinh ngày 11/11/2000 đã trên 18 tuổi, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung Nông Hoàng T.

Về tài sản chung và nợ chung: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 18/8/2023, biên bản tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản hòa giải chị Hoàng Thị H trình bày:

Anh Nông Đức T và chị Hoàng Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc, cả hai đi đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện C vào ngày 19/11/1999. Cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn: thường xuyên cãi vã, chị H nghi ngờ anh T có tình cảm khác ngoài vợ ngoài chồng, chị H rất mệt mỏi, mong Tòa giải quyết cho xong quan hệ vợ chồng với anh T. Tuy nhiên, chị H chưa đồng ý ly hôn với anh Tvì thương các con, muốn đoàn tụ gia đình với anh T.

Về con chung: Anh T và chị H có 02 con chung là Nông Hoàng T, sinh ngày 11/11/2000 và Nông Thanh Đ, sinh ngày: 12/10/2009; Nguyện vọng của chị H xin trực tiếp nuôi con chung Nông Thanh Đ, sinh ngày: 12/10/2009. Đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi của anh Nông Đức T. Con chung Nông Hoàng T, sinh ngày 11/11/2000 đã trên 18 tuổi, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung Nông Hoàng T.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định Hoãn phiên tòa cho chị H nhưng chị H vắng mặt, không tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng như nội dung vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình; Quá trình giải quyết vụ án Tòa đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định Hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên HĐXX xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Thẩm quyền giải quyết của Tòa án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Nông Đức T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn là chị Hoàng Thị H, chị H có hộ khẩu và đang sinh sống tại Số A , thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Đăk Nông vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Cư Jút theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS; quan hệ pháp luật là "*Ly hôn*".

Điều kiện mở phiên tòa: Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nông Đức T và chị Hoàng Thị H đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện C vào ngày 19/11/1999 trên tinh thần tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Nông Đức T và chị Hoàng Thị H là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân huyện Cư Jút đã tiến hành hoà giải giữa các đương sự để duy trì quan hệ hôn nhân cùng nhau xây dựng gia đình. Tuy nhiên, chị H vắng mặtkhông tham gia tố tụng tại cả hai phiên tòa và anh T vẫn giữ nguyên quan điểm của mình xin ly hôn với chị H. HĐXX xét thấy: Tại Bản tự khai ngày 18/8/2023 của chị H, Biên bản hòa giải ngày 05/9/2023 chị H đã thừa nhận giữa hai vợ chồng có mâu thuẫn, cãi vã vì cả hai cùng nghi ngờ nhau có tình cảm khác ngoài vợ ngoài chồng. Đây là mâu thuẫn có thật và là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của BLTTDS. Mâu thuẫn đã thể hiện cả hai đều không còn tình cảm với nhau, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định:

"Điều 56. Ly hôn theo yêu cầu của một bên:

1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

2. ....."

Do đó, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận cho anh Nông Đức T được ly hôn với chị Hoàng Thị H.

- Về con chung: Xét nguyện vọng của con chưa thành niên và nguyện vọng của chị Hoàng Thị H, anh Nông Đức T, HĐXX xét thấy: cần giao con chung Nông Thanh Đ sinh ngày: 12/10/2009 cho chị Hoàng Thị H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh Nông Đức T cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)/01tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, thời gian bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng: Kể từ ngày bản

án có hiệu lực pháp luật cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với con chung Nông Hoàng T, sinh năm: 2000; đã đủ 18 tuổi, anh Nông Đức T và chị Hoàng Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung đã thành niên nên HĐXX không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị H không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không đề cập xem xét.

- Về án phí: Anh Nông Đức T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53 và Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110 và Điều 118 của Luật hôn và nhân gia đình của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nông Đức T.

1. Về hôn nhân: Anh Nông Đức T được ly hôn với chị Hoàng Thị H. (Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: Giao con chung Nông Thanh Đ, sinh ngày: 12/10/2009 cho chị Hoàng Thị H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh Nông Đức T cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)/01tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, thời gian bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh Nông Đức T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dựng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Đối với con chung Nông Hoàng T, sinh năm: 2000; đã đủ 18 tuổi, anh Nông Đức T và chị Hoàng Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung đã thành niên nên HĐXX không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nông Đức T và chị Hoàng Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nông Đức T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, tổng số tiền phải nộp là 600.000 đ (Sáu trăm nghìn đồng), số tiền này anh T được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0000347 ngày 20/7/2023

tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông; anh Nông Đức T còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí..

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận **:**
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Chi cục THA.DS huyện C;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LỘC THỊ VINH